

Số: 05/ CBTT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 3 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 02703.822729

Fax : 02703.831283

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Ngô Thành Thía**

Địa chỉ : 79/28, đường Phạm Thái Bường, phường 4, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 0918165880-02703.830707

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long công bố thông tin **Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021**

(Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021)

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.vipuco.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS, Thư ký;
- BGĐ Cty;
- Lưu

Người thực hiện công bố thông tin

CHỦ TỊCH HĐQT



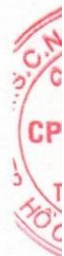
Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, thay đổi lần 4 ngày 09/7/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 09/7/2021 là 35.362.220.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là VLP.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Yên Đan	Thành viên (Bầu từ ngày 29/6/2021)
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/6/2021)
Bà Nguyễn Thị Quí	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/6/2021)
Ông Đào Thanh Liêm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 29/6/2021)
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương Loan	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 02/7/2021)
Ông Lương Minh Triết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 02/7/2021)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban lãnh đạo, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

010
ÔNG
KIỂM
A VI
-CHI
P. HỒ C
HÍ M

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban lãnh đạo,



Ngô Thành Thía
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24/3/2022, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục 7.2 phần thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu so sánh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo Thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 626/TB-KV IX ngày 27/12/2021.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc Phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2022-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 06/2022/UQ - CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện***CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHANH TP. HỒ CHÍ MINH****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2022*

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		49.930.691.827	59.063.711.335
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.718.723.537	32.150.956.201
1. Tiền	111		6.718.723.537	17.150.956.201
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	15.000.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.621.569.379	26.828.619.577
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.696.180.307	24.897.640.479
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	279.942.000	969.153.950
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	693.654.072	961.825.148
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(48.207.000)	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	329.871.243	15.079.759
1. Hàng tồn kho	141		329.871.243	15.079.759
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		260.527.668	69.055.798
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	260.527.668	69.055.798
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		11.456.147.463	9.742.900.086
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		8.610.539.657	5.904.944.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	8.610.539.657	5.904.944.154
- Nguyên giá	222		31.849.194.305	27.421.117.734
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.238.654.648)	(21.516.173.580)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.045.909.090
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.045.909.090
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.845.607.806	2.792.046.842
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	2.845.607.806	2.792.046.842
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		61.386.839.290	68.806.611.421



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		11.439.625.441	15.783.215.414
I- Nợ ngắn hạn	310		11.439.625.441	15.783.215.414
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	142.660.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	1.681.113.659	2.193.727.720
3. Phải trả người lao động	314		5.422.346.503	6.601.103.637
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	104.522.275	2.875.278.451
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.231.643.004	3.970.445.606
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		49.947.213.849	53.023.396.007
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.11	49.947.213.849	52.999.664.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.362.220.000	35.362.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.362.220.000	35.362.220.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.186.373.919	7.952.205.303
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.398.619.930	9.685.238.704
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		1.066.770.120	528.562.861
- LNST chưa phân phối kì này	421b		2.331.849.810	9.156.675.843
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	23.732.000
1. Nguồn kinh phí	431		-	23.732.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		61.386.839.290	68.806.611.421

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	77.760.442.437	86.288.896.361
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	5.862.324.091	6.959.039.994
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	71.898.118.346	79.329.856.367
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	53.661.089.216	52.792.537.700
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		18.237.029.130	26.537.318.667
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	510.392.285	77.609.038
7. Chi phí tài chính	22	6.6	-	4.227.173
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	13.451.487.408	14.668.028.506
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		5.295.934.007	11.942.672.026
11. Thu nhập khác	31	6.8	665.385.508	966.129.573
12. Chi phí khác	32	6.8	1.283.104.291	257.325.380
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.8	(617.718.783)	708.804.193
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		4.678.215.224	12.651.476.219
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	696.365.414	1.494.800.376
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.981.849.810	11.156.675.843
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	659	1.867

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	79.697.935.658	95.889.743.441
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(24.658.932.053)	(53.589.187.199)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(38.327.891.765)	(39.301.699.992)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	(4.227.173)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.232.124.292)	(32.978.354)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	31.440.709.448	34.513.234.809
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(22.686.161.179)	(11.688.639.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.233.535.817	25.786.245.938
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.364.492.209)	(66.821.871)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	436.419.682	17.115.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.928.072.527)	(49.705.984)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.803.597.600)	(2.802.441.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.803.597.600)	(2.802.441.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	17.501.865.690	22.934.098.354
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.216.857.847	9.216.857.847
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	26.718.723.537	32.150.956.201

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, thay đổi lần 4 ngày 09/7/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 ngày 09/7/2021 là 35.362.220.000 đồng (bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là VLP.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 288 người (tại ngày 31/12/2020 là 265 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo qui hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,...);
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện;
- Xây dựng công trình điện, công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...)
- Vệ sinh chung nhà cửa, vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Công viên Cây xanh	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
2.	Xí nghiệp Vệ sinh môi trường	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
3.	Đội chiếu sáng công cộng	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

0101
CÔNG TY
KIỂM T
A VIE
-CHI NH
? HỒ CH
4/1 MIN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20
Phương tiện vận tải	05 – 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh:

Lợi thế kinh doanh là phần tài sản phát sinh tăng liên quan đến quá trình cổ phần hóa được phân bổ trong thời gian 93 tháng.

Chi phí sửa chữa:

Chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ điều kiện ghi tăng nguyên giá tài sản cố định được phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn dịch vụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế 4 năm tính từ năm 2017 và giảm 50% thuế TNDN cho 5 năm tiếp theo đối với thu nhập dịch vụ môi trường.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban lãnh đạo cho rằng hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ công cộng không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ và Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	816.671.499	367.222.195
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.902.052.038	16.783.734.006
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	15.000.000.000
Tổng	<u>26.718.723.537</u>	<u>32.150.956.201</u>

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 3%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	13.696.083.639	18.267.008.192
Các khách hàng khác	8.000.096.668	6.630.632.287
Tổng	<u>21.696.180.307</u>	<u>24.897.640.479</u>
Trong đó:		
<i>Phải thu khách hàng là bên liên quan</i> (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)	<i>13.696.083.639</i>	<i>18.267.008.192</i>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
DNTN Trọng Tín	48.207.000	48.207.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Bảo Long - Công ty Bảo hiểm Bảo Long Cần Thơ	95.000.000	-
Chi nhánh Vĩnh Long - Công ty Cổ phần Ô Tô Trường Hải	120.000.000	-
Hộ kinh doanh Quang (XDCEB)	-	458.756.000
Các nhà cung cấp khác	16.735.000	462.190.950
Tổng	<u>279.942.000</u>	<u>969.153.950</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu người lao động (thuế TN CN)	109.898.210	-	50.342.309	-
Chi phí thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	313.000.000	-	524.440.000	-
Tạm ứng	4.261.095	-	73.516.342	-
Bảo hành công trình	17.893.950	-	78.825.000	-
Phải thu KPCĐ, BHXH, BHTN	2.580.914	-	2.161.046	-
Tăng theo kiểm toán nhà nước	172.047.300	-	172.047.300	-
Các khoản khác	73.972.603	-	60.493.151	-
Tổng	693.654.072	-	961.825.148	-

5.5 Nợ xấu

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Trọng Tín	48.207.000	-	48.207.000	48.207.000
	48.207.000	-	48.207.000	48.207.000

5.6 Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	196.623.343	-	15.079.759	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	133.247.900	-	-	-
Tổng	329.871.243	-	15.079.759	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	260.527.668	69.055.798
Chi phí bảo hiểm	64.415.334	69.055.798
Công cụ dụng cụ	196.112.334	-
b) Dài hạn	2.845.607.806	2.792.046.842
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.077.761.244	2.515.184.668
Chi phí sửa chữa	767.846.562	276.862.174
Tổng	3.106.135.474	2.861.102.640

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2021	3.170.674.171	24.250.443.563	27.421.117.734
Tăng trong năm	-	5.186.931.571	5.186.931.571
Mua trong năm	-	4.019.936.662	4.019.936.662
XDCB hoàn thành trong năm	-	1.166.994.909	1.166.994.909
Giảm trong năm	-	(758.855.000)	(758.855.000)
Thanh lý nhượng bán	-	(758.855.000)	(758.855.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	3.170.674.171	28.678.520.134	31.849.194.305
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	2.850.168.721	18.666.004.859	21.516.173.580
Tăng trong năm	59.366.383	2.107.633.947	2.167.000.330
Khấu hao trong năm	59.366.383	2.107.633.947	2.167.000.330
Giảm trong năm	-	(444.519.262)	(444.519.262)
Thanh lý nhượng bán	-	(444.519.262)	(444.519.262)
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.909.535.104	20.329.119.544	23.238.654.648
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	320.505.450	5.584.438.704	5.904.944.154
Tại ngày 31/12/2021	261.139.067	8.349.400.590	8.610.539.657

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 12.118.489.308 đồng (tại ngày 31/12/2020: 8.684.108.532 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	2.193.727.720	4.608.180.565	5.120.794.626	1.681.113.659
Thuế giá trị gia tăng	1.429.266.308	3.593.622.107	3.620.633.191	1.402.255.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp	743.219.103	696.365.414	1.232.124.292	207.460.225
Thuế thu nhập cá nhân	21.242.309	210.311.295	160.155.394	71.398.210
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	104.881.749	104.881.749	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

5.10 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xí nghiệp Công Viên Cây Xanh	-	1.155.444.196
Xí nghiệp Vệ Sinh Môi Trường	24.933.308	1.514.939.520
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	79.588.967	204.894.735
Tổng	104.522.275	2.875.278.451

5.11 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2020	35.362.220.000	4.948.866.155	8.801.935.978	49.113.022.133
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	11.156.675.843	11.156.675.843
Phân phối lợi nhuận	-	3.003.339.148	-	3.003.339.148
Chia cổ tức năm 2019	-	-	(2.828.977.600)	(2.828.977.600)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.304.096.375)	(2.304.096.375)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(136.959.994)	(136.959.994)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(3.003.339.148)	(3.003.339.148)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2021	35.362.220.000	7.952.205.303	9.685.238.704	52.999.664.007
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	3.981.849.810	3.981.849.810
Phân phối lợi nhuận	-	3.234.168.616	-	3.234.168.616
Chia cổ tức năm 2020 (*)	-	-	(2.828.977.600)	(2.828.977.600)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	(2.555.322.368)	(2.555.322.368)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(3.234.168.616)	(3.234.168.616)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021 (**)	-	-	(1.650.000.000)	(1.650.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	35.362.220.000	11.186.373.919	3.398.619.930	49.947.213.849

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

(*) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTCC ngày 29/6/2021, theo đó, Công ty chia cổ tức 8% vốn điều lệ tương ứng với 2.828.977.600 VND, trích quỹ đầu tư phát triển 30% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 tương ứng với 3.234.168.616 VND, trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý lần lượt bằng 1,6 và 1,5 tháng lương bình quân thực hiện tương ứng với 4.555.322.368 VND (trong đó đã trích trước trong năm 2020 số tiền là 2.000.000.000 VND, số tiền trích thêm năm nay là 2.555.322.368 VND).

(**) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành và người lao động theo nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 21/12/2021 của Hội đồng quản trị với số tiền 1.650.000.000 VND.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long	81,24%	2.872.822	28.728.220.000	81,24%	2.872.822	28.728.220.000
Các cổ đông khác	18,76%	663.400	6.634.000.000	18,76%	663.400	6.634.000.000
Tổng	100,00%	3.536.222	35.362.220.000	100,00%	3.536.222	35.362.220.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.362.220.000	35.362.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.362.220.000	35.362.220.000
Cổ tức, lợi nhuận phân phối trong năm. Trong đó	10.268.468.584	10.273.373.117
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.205.322.368	4.441.056.369
Quỹ đầu tư phát triển	3.234.168.616	3.003.339.148
Chia cổ tức	2.828.977.600	2.828.977.600

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.760.442.437	86.288.896.361
Tổng	77.760.442.437	86.288.896.361
Trong đó:		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i> (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)	<i>55.509.386.279</i>	<i>64.745.613.279</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giảm giá dịch vụ cung cấp	5.862.324.091	6.959.039.994
Tổng	5.862.324.091	6.959.039.994
Trong đó:		
<i>Giảm giá dịch vụ với các bên liên quan</i> (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)	<i>5.862.324.091</i>	<i>6.959.039.994</i>

6.3 Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	71.898.118.346	79.329.856.367
Tổng	71.898.118.346	79.329.856.367
Trong đó:		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i> (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.3)	<i>49.647.062.188</i>	<i>57.786.573.285</i>

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.661.089.216	52.792.537.700
Tổng	53.661.089.216	52.792.537.700

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	510.392.285	77.609.038
Tổng	510.392.285	77.609.038

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí tài chính khác	-	4.227.173
Tổng	-	4.227.173

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.621.117.960	8.799.009.441
Chi phí đồ dùng văn phòng	304.943.424	118.511.434
Chi phí khấu hao TSCĐ	161.803.893	194.749.137
Thuế phí và lệ phí	107.881.749	872.605.937
Chi phí dự phòng	48.207.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.742.930	338.317.833
Chi phí quản lý khác	3.911.790.452	4.344.834.724
Tổng	13.451.487.408	14.668.028.506

6.8 Lợi nhuận khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	81.118.808	-
Thu tiền lấp đặt trụ đèn, nhà vệ sinh di động	127.290.455	-
Thu tiền di dời cây xanh	86.240.000	33.207.272
Thu khắc phục tai nạn giao thông	18.269.000	7.945.455
Thu tiền bán phế liệu	163.600.326	62.431.713
Tiền bồi thường	116.745.000	656.989.188
Các khoản khác	72.121.919	205.555.945
Tổng	665.385.508	966.129.573
Chi phí khác		
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	3.716.875	92.395.124
Chi phí lấp đặt trụ đèn, nhà vệ sinh di động	75.469.000	-
Phạt vi phạm hành chính	140.000.000	52.295.564
Chi bồi thường khắc phục tai nạn giao thông	200.542.000	-
Chi phí tháo dỡ, sửa chữa	621.283.000	-
Chi phí khác	242.093.416	112.634.692
Tổng	1.283.104.291	257.325.380
Lợi nhuận khác	(617.718.783)	708.804.193

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

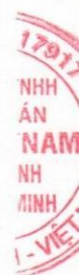
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.515.329.138	8.497.124.489
Chi phí nhân công	44.728.631.217	43.626.833.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.167.000.330	1.938.970.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.531.863.652	3.700.516.732
Chi phí khác	8.179.882.335	8.609.397.514
Tổng	68.122.706.672	66.372.843.383

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.678.215.224	12.651.476.219
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>362.258.875</i>	<i>197.428.235</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>362.258.875</i>	<i>197.428.235</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	5.040.474.099	12.848.904.454
Thu nhập được miễn thuế	(66.435.425)	(2.171.758.911)
Thu nhập tính thuế	4.974.038.674	10.677.145.543
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	994.807.735	2.135.429.109
Giảm 30% số thuế phải nộp (theo NĐ số 92/2021/NĐ-CP)	298.442.321	640.628.733
Thuế TNDN hiện hành	696.365.414	1.494.800.376
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	-	6.707.559
Tổng thuế TNDN phải nộp	696.365.414	1.501.507.935



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.981.849.810	11.156.675.843
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý (*)	(1.650.000.000)	(4.555.322.368)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.331.849.810	6.601.353.475
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	659	1.867

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 16/NQ-HĐQT ngày 21/12/2021, Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 với số tiền 1.650.000.000 VND, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

(**) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2021. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm 2020	Năm 2020	Chênh lệch
	(Số đã báo cáo)	(Số trình bày lại)	
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.780.562.052	11.156.675.843	376.113.791
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý	(4.459.918.521)	(4.555.322.368)	(95.403.847)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.320.643.531	6.601.353.475	280.709.944
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.787	1.867	79

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Từ ngày 01/01/2022, đại dịch COVID-19 tại Việt Nam vẫn tiếp tục bùng phát với những diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ ảnh hưởng đến doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

7.2 Điều chỉnh hồi tố

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Công ty trình bày lại số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do điều chỉnh số liệu theo Thông báo kết quả kiểm toán số 626/TB-KV IX ngày 27/12/2021 của Kiểm toán nhà nước khu vực IX.

7.3 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Yên Đàng	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương Loan	Thành viên
Ông Lương Minh Triết	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên.	
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cùng chủ sở hữu



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch Hội đồng quản trị	515.867.696	44.355.513
Ông Nguyễn Khắc Yên Đàng	Thành viên	248.469.802	-
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên	371.270.974	380.821.728
Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên	283.013.040	302.970.221
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	446.700.384	387.547.959
Tổng		1.865.321.896	1.115.695.421

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban kiểm soát	370.878.108	379.821.728
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên	174.129.165	169.839.263
Bà Phạm Thị Phương Loan	Thành viên	136.471.579	-
Ông Lương Minh Triết	Thành viên	18.000.000	36.000.000
Tổng		699.478.852	585.660.991

Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc	446.700.384	38.100.751
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc	371.270.974	380.821.728
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	345.192.442	355.864.948
Tổng		1.163.163.800	774.787.427

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.3 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giao dịch bán				
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cùng chủ sở hữu	Cung cấp dịch vụ	55.509.386.279	64.745.613.279
Giảm trừ doanh thu				
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cùng chủ sở hữu	Giảm giá dịch vụ cung cấp	5.862.324.091	6.959.039.994
Doanh thu thuần				
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cùng chủ sở hữu	Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	49.647.062.188	57.786.573.285

Số dư phải thu và phải thu khác các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Khoản mục số dư	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	Cùng chủ sở hữu	Phải thu khách hàng	13.696.083.639	18.267.008.192

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 626/TB-KV IX ngày 27/12/2021, cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2021 VND	Số dư tại 31/12/2020 VND	Chênh lệch VND
Phải thu ngắn hạn khác	961.825.148	789.777.848	172.047.300
Chi phí trả trước dài hạn	2.792.046.842	2.587.247.175	204.799.667
Cộng thay đổi Tài sản			376.846.967
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.193.727.720	2.171.169.730	22.557.990
Phải trả người lao động	6.601.103.637	6.622.928.451	(21.824.814)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.685.238.704	9.309.124.913	376.113.791
Cộng thay đổi Nguồn vốn			376.846.967

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2020 (sau điều chỉnh)	Năm 2020 (trước điều chỉnh)	Chênh lệch
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.959.039.994	7.115.446.630	(156.406.636)
Giá vốn hàng bán	52.792.537.700	53.012.871.655	(220.333.955)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.668.028.506	14.669.828.506	(1.800.000)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.494.800.376	1.492.373.576	2.426.800
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.156.675.843	10.780.562.052	376.113.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.867	1.787	79

Vĩnh Long, ngày 24 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía